

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

**V/v: Phương án tổ chức sản xuất công tác BDTX năm 2025
đội Xây dựng và Bảo trì**

Kính gửi: Trung tâm Khai thác vận hành đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 2121/QĐ-BGTVT ngày 12/11/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án tổ chức giao thông toàn tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đoạn Km0+00-Km131+500 và đoạn đường nối từ Km131+500-Km139+204 giao với QL1;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-BGTVT ngày 23/03/2021 về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh nội dung phương án tổ chức giao thông toàn tuyến đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi đoạn Km0 – Km131+500 và đoạn đường nối từ Km131+500 – Km139+204 – QL1;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-VEC ngày 16/12/2024 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc “Ban hành Quy trình quản lý, Vận hành và Bảo trì các tuyến cao tốc do VEC quản lý, khai thác;

Căn cứ văn bản số 173/VEC-QLKT ngày 17/01/2025 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc Triển khai công tác O&M đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-VEC ngày 17/01/2025 về việc Phê duyệt công tác Quản lý vận hành, bảo trì và thực thanh thực chi đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi từ lý trình Km0+00 – Km139+204 thời gian thực hiện từ 01/01/2025 đến 31/12/2025.

Căn cứ vào nhiệm vụ được Trung tâm Khai thác vận hành đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi giao cho Đội Xây dựng và Bảo trì;

Thực hiện nhiệm vụ trên, Đội Xây dựng và Bảo trì xin báo cáo Lãnh đạo Trung tâm phương án tổ chức sản xuất của đội Xây dựng và Bảo trì với nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng quan chung:

Tuyến đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi với chiều dài 139.204 Km. Với chiều dài tuyến như vậy, khối lượng duy tu bảo dưỡng lớn nên cần đưa ra phương án tổ chức sản xuất phù hợp đảm bảo chất lượng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

II. Phương án tổ chức nhân sự

Hiện nay, tổng số nhân sự đội Xây dựng và Bảo trì hiện có là 35 người (bao gồm cả lãnh đạo đội), 04 nhân viên thời vụ. Dự kiến tuyển dụng thêm 02 nhân viên thời vụ bảo trì hiện trường, 02 lái xe thời vụ. Nâng tổng số nhân sự 43 nhân sự.

Toàn bộ nhân sự của Đội xây dựng và bảo trì đã được đào tạo và được cấp chứng công nhân sửa chữa bảo trì đường bộ, chứng chỉ đảm bảo an toàn giao thông trên đường đang khai thác, chứng chỉ phòng chống cháy nổ, chứng chỉ an toàn lao động, chứng chỉ vệ sinh môi trường, để thực hiện việc BDTX cầu, đường theo chỉ dẫn kỹ thuật trong hợp đồng, quy trình quản lý khai thác, tiêu chuẩn bảo dưỡng thường xuyên đường bộ. Bộ máy Đội xây dựng và Bảo trì được sắp xếp và bố trí thành 05 Tổ, được bố trí sắp xếp sản xuất cụ thể như sau:

1. Lãnh đạo đội bao gồm:

- Quyền Đội trưởng Đội XD&BT Ông Nguyễn Văn Trung: Kỹ sư xây dựng cầu đường có kinh nghiệm trên 25 năm trong công tác quản lý, giám sát, thi công xây dựng các công trình giao thông, xây dựng khác..., kinh nghiệm trên 03 năm thực hiện các công việc chỉ đạo Bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi và một số nhiệm vụ khác được Ban lãnh đạo Trung tâm giao

+ Điều hành công việc chung của Đội, kiêm tổ trưởng thiết bị cơ giới.

+ Kiểm tra, giám sát chất lượng công việc của CBCNV của Đội và Nghiệm thu nội bộ công tác O&M;

+ Phụ trách kiểm tra đơn đốc công tác bảo trì theo kế hoạch.

+ Phụ trách công tác nhân sự của Đội – Văn phòng đội tại túy Loan và Tam Kỳ.

+ Phụ trách trực tiếp tổ sản xuất số 03.

+ Thực hiện các công việc khác do Ban Giám đốc Trung tâm phân công.

- Đội Phó Đội XD&BT Ông Võ Hồng Lam (Kỹ sư, Thạc sỹ xây dựng cầu đường) có kinh nghiệm trên 14 năm trong công tác thi công xây dựng các công trình giao thông, xây dựng khác..., kinh nghiệm trên 7 năm thực hiện các công việc Quản lý, Bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi và một số nhiệm vụ khác được Ban lãnh đạo Trung tâm giao

+ Lập kế hoạch chi tiết tuần, tháng và kiểm tra, giám sát chất lượng, nghiệm thu nội bộ công tác O&M, kiểm tra công việc thực tế tại hiện trường theo kế hoạch.

+ Phụ trách kỹ thuật hiện trường toàn tuyến.

+ Trực tiếp kiểm tra đơn đốc công tác hiện trường tổ sản xuất số 01

+ Thực hiện công tác hồ sơ nội nghiệp của Đội.

+ Thực hiện các công việc khác do Lãnh đạo đội phân công.

- Đội Phó Đội XD&BT: Ông Lê Văn Thu (Kỹ sư điện kỹ thuật) có kinh nghiệm trên 20 năm trong công tác quản lý, thi công xây dựng các công trình điện kỹ thuật, giám sát điện, hồ sơ nội nghiệp, hồ sơ nghiệm thu..., kinh nghiệm trên 2 năm thực hiện phụ trách công tác Bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa hệ thống điện đường cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi và một số nhiệm vụ khác được Ban lãnh đạo Trung tâm giao.

+ Phụ trách trực tiếp công tác quản lý vận hành hệ thống điện trên toàn tuyến (thực hiện công việc vận hành và sửa chữa lưới điện, để thực hiện việc tuần điện, bảo dưỡng và sửa chữa điện hệ thống điện, theo đúng chỉ dẫn kỹ thuật của Hợp đồng).

- + Kiểm tra, giám sát chất lượng, nghiệm thu nội bộ công tác O&M liên quan đến hệ thống điện thuộc tuyến đường cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi.
- + Phụ trách công tác nội nghiệp về công tác điện trên tuyến.
- + Trực tiếp kiểm tra đôn đốc công tác hiện trường tổ sản xuất số 02
- + Thực hiện các công việc khác do Lãnh đạo đội phân công.

2. Tổ sản xuất số 01: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, công tác vận hành hệ thống điện và bảo quản tài sản tại các trạm thu phí đoạn tuyến từ Km00 đến Km41+00, nút giao Túy Loan, trạm thu phí Túy Loan, nút giao Phong Thử, hầm Núi Eo, nút giao Hà Lam. Nhân sự gồm có 12 người như sau:

- Nguyễn Ngọc Hùng (Dự kiến đề xuất bổ nhiệm tổ trưởng): Quản lý, điều động nhân sự trong tổ để hoàn thành tốt công tác bảo dưỡng thường xuyên, công tác sửa chữa đột xuất, công tác vận hành hệ thống điện và quản lý tài sản, phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và an ninh trật tự trong phạm vi công việc được giao.

- Lê Tấn Hân: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Hồng Hà: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Hữu Cư: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Đặng Phước Khánh Hòa: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Văn Xứ: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Thị Ngọc Liên, Đặng Phước Thành: Thực hiện công tác bảo trì đoạn từ Km0-Km4, vệ sinh nhà trạm thu phí Túy Loan, Trạm phong Thử, và các công bảo trì đột xuất khác theo sự phân công của Lãnh đạo đội.

- Nguyễn Văn Hậu: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Đào Văn Thân: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện trạm Nút giao Túy Loan, đèn THGT km0, trạm thu phí Túy Loan và công tác nhà trạm. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Thực hiện công việc vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện báo cáo hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp. Phối hợp thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ nội nghiệp công tác điện.

- Nguyễn Đình Nhựt: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Nút giao Phong Thử và công tác nhà trạm, Hầm Núi Eo, Cầu Kỳ Lam, Cầu Chiêm Sơn. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên Nút giao Phong Thử, đồng thời chủ động thực hiện công tác bảo vệ sinh cắt cỏ lề, phát quang 4 cửa Hầm từ Km22+000 – Km23+500. Thực hiện công việc vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh

đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

- Đoàn Ngọc Việt: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Nút giao Hà Lam và công tác nhà trạm. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác vệ sinh cắt cỏ lề và phát quang nút giao Hà Lam. Thực hiện vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

3. Tổ sản xuất số 02: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, công tác vận hành hệ thống điện và bảo quản tài sản tại các trạm thu phí đoạn tuyến từ Km41 đến Km83+00, nút giao Tam Kỳ, nút giao Chu Lai. Nhân sự gồm có 09 người như sau:

- Nguyễn Văn Dũng (Tổ trưởng): Quản lý, điều động nhân sự trong tổ để hoàn thành tốt công tác bảo dưỡng thường xuyên, công tác sửa chữa đột xuất, công tác vận hành hệ thống điện và quản lý tài sản, phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và an ninh trật tự trong phạm vi công việc được giao.

- Mai Thế Phương: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Ngọc Sơn: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Mai Thanh Lộc: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Huỳnh Văn Công: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Đỗ Xuân Nam: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Trương Văn Hậu: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Lê Tuấn Vũ: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Nút giao Tam Kỳ và công tác nhà trạm. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác vệ sinh cắt cỏ lề và phát quang nút giao Tam Kỳ. Thực hiện vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

- Võ Văn Luận: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Nút giao Chu Lai và công tác nhà trạm. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác vệ sinh cắt cỏ lề và phát quang nút giao Chu Lai. Thực hiện vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

4. Tổ sản xuất số 03: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên Km83+00 đến Km139+204, công tác vận hành hệ thống điện và bảo quản tài sản tại các trạm thu phí đoạn tuyến từ đoạn tuyến từ Km83+00 đến Km139+204, nút giao Bắc Quảng

Ngãi, Quảng Ngãi và vận hành, theo dõi đèn tín hiệu Km133, Km136, Km139. Nhân sự gồm có 08 người như sau:

- Nguyễn Tấn Thành (tổ trưởng): Quản lý, điều động nhân sự trong tổ để hoàn thành tốt công tác bảo dưỡng thường xuyên, công tác sửa chữa đột xuất, công tác vận hành hệ thống điện và quản lý tài sản, phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và an ninh trật tự trong phạm vi công việc được giao.

- Hồ Xuân Diệu: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Nguyễn Đức Được: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Bùi Văn Nhân: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Lê Văn Cẩm: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Lương Tư: Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa đột xuất.

- Phạm Hồng Phương: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Nút giao Bắc Quảng Ngãi và công tác nhà trạm, cầu Trà Bồng và cầu Trà Khúc. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác vệ sinh cắt cỏ lề và phát quang nút giao Bắc Quảng Ngãi. Thực hiện vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

- Trần Minh Phát: Thực hiện công tác vận hành hệ thống điện Trạm thu phí Quảng Ngãi và công tác nhà trạm, chiếu sáng km131, hệ thống đèn THGT km133+050, km136+900 và km139+204. Đồng thời phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Chủ động thực hiện công tác vệ sinh cắt cỏ lề và phát quang nút giao Quảng Ngãi. Thực hiện vệ sinh khe co giãn, vệ sinh mắt phản quang, vệ sinh biển báo, vệ sinh đồ thải cắt cỏ theo sự phân công của tổ trưởng. Công tác thực hiện được báo cáo bằng hình ảnh phải rõ ràng, đảm bảo cho công tác làm hồ sơ nội nghiệp.

5. Tổ sản xuất số 04 (Tổ cơ giới):

Để đảm bảo thực hiện công tác BDTX trên tuyến hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu và chi phí sản xuất, một số công việc BDTX cần phải dùng đến ô tô tải cỡ nhỏ mới mang lại hiệu quả hơn sử dụng các phương tiện cơ giới như (vận chuyển nhân công, công cụ dụng cụ, máy móc công cụ để thực hiện một số công tác như: Vệ sinh tấm chống chói, vệ sinh tôn hộ lan, vệ sinh khe co giãn, vệ sinh biển báo dưới thấp; Công tác đảm bảo ATGT cho các công tác trên; đồng thời phục vụ công tác thu gom cành lá cây sau khi cắt cỏ phát quang, chất thải khác rồi vận chuyển đổ bãi thải).

Để triển khai theo kế hoạch công tác BDTX đảm bảo chất lượng theo quy định cũng như hình ảnh của VEC trên tuyến, Đội XD&BT đề xuất Lãnh đạo Trung tâm bổ sung cho Đội thêm 02 xe ô tô tải nhỏ để thuận lợi triển khai công việc. Đồng thời Đội

XD&BT đề xuất thêm 02 nhân sự lái xe kiêm thực hiện công tác bảo trì. Tổng nhân sự tổ 04 là 09 nhân sự.

Tổ cơ giới do đồng chí Nguyễn Văn Trung – Q.Đội trưởng phụ trách hoạt động trên toàn tuyến khi có kế hoạch công việc, cụ thể như sau:

- Nguyễn Anh Tuấn: Lái xe kiêm vận hành xe cầu tự hành (cầu giò) BKS: 29C-497.45, xe quét hút BKS: 29C-550.39, hỗ trợ lái xe tải nhỏ sau khi được Trung tâm cấp.

- Nguyễn Văn Lành: Lái xe kiêm vận hành xe cầu tự hành BKS: 29C-525.02, xe tưới nước rửa đường BKS: 29C-805.14, hỗ trợ lái xe tải nhỏ sau khi được Trung tâm cấp.

- Trần Văn Nam: Lái xe bảo trì BKS: 29Y-8476, xe tải ben BKS: 29C – 497.41. Đồng thời hỗ trợ cho lái xe Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Văn Lành khi có sự điều động của lãnh đạo đội

- Nguyễn Kỳ Hải: Lái xe bảo trì và hỗ trợ lái xe văn phòng BKS 29Y-1869.

- Tuyển dụng thêm 02 nhân sự thời vụ phục vụ lái xe tải nhỏ kiêm thực hiện công tác bảo trì.

- Nguyễn Thị Thảo : Thực hiện công tác hồ sơ thanh toán, hồ sơ vá ổ gà, theo dõi thiết bị, máy móc, công cụ dụng cụ. Thực hiện công việc khác do lãnh đạo phân công.

- Nguyễn Thị Thủy: Thực hiện công tác hồ sơ nội nghiệp, theo dõi nhật trình xe, máy, hồ sơ nội nghiệp tổ cơ giới. Thực hiện công việc khác do lãnh đạo phân công.

- Trần Thị Cẩm Vân: Nhân viên thủ kho.

6. Tổ sản xuất số 05: Tổ lao động thời vụ 02 nhân sự (tuyển dụng thêm) do đồng chí Nguyễn Văn Trung – Q.Đội trưởng phụ trách hoạt động trên toàn tuyến cụ thể như sau:

- Phối hợp cùng với các tổ sản xuất thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên để hoàn thành khối lượng được Trung tâm giao.

- Thực hiện công tác vệ sinh mặt đường bằng thủ công.

- Thực hiện công việc sửa chữa đột xuất khi được Lãnh đạo Trung tâm giao.

7. Tổ kiểm tra chất lượng công việc nội bộ: Thành phần bao gồm:

- Lãnh đạo đội : Nguyễn Văn Trung (Tổ trưởng)

Võ Hồng Lam (Tổ phó)

Lê Văn Thu (Tổ phó)

- 03 đ/c tổ trưởng : Nguyễn Ngọc Hùng (Dự kiến đề xuất bổ nhiệm tổ trưởng)

Nguyễn Văn Dũng (Tổ trưởng tổ 2)

Nguyễn Tấn Thành (Tổ trưởng tổ 3)

- 02 đồng chí tổ viên: Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thủy

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đánh giá chất lượng, thời gian hoàn thành công việc, sử dụng hiệu quả công cụ dụng cụ, nhiên liệu xe, máy móc. Trên cơ sở đó

đánh giá chất lượng công việc hàng tháng của các tổ và từng cá nhân trong đội để có cơ sở xếp loại lương hàng tháng.

Đây là phương án tổ chức nhân sự trên toàn tuyến. Tuy nhiên, tùy vào tình hình thi công có thể điều chuyển nhân sự cho phù hợp với công việc thực tế tại hiện trường để đảm bảo hiệu quả sản xuất.

(Sơ đồ bố trí nhân sự đính kèm)

III. Phương án tổ chức thực hiện công tác bảo trì

Tổ sản xuất số 01: Sử dụng xe ô tô tải nhỏ. Tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất sẽ sử dụng phương tiện thích hợp như xe máy hoặc xe ô tô. Trường hợp thực hiện công tác BDTX bằng xe ô tô sẽ thực hiện theo phương án như sau:

- Đoạn tuyến Km00+00 đến Km4+00 sử dụng xe máy khi thực hiện công việc.
- Đoạn tuyến Km04+00 – Km41+00 sử dụng phương tiện ô tô khi thực hiện công tác BDTX. Buổi sáng thực hiện công việc bên phải tuyến, buổi chiều thực hiện công việc bên trái tuyến. Nghỉ trưa tại các trạm Phong Thử, Hầm, Hà Lam tùy vào kế hoạch sản xuất.

Tổ sản xuất số 02: Sử dụng xe bán tải 29Y-8476. Tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất sẽ sử dụng phương tiện thích hợp như xe máy hoặc xe ô tô. Trường hợp thực hiện công tác BDTX bằng xe ô tô sẽ thực hiện theo phương án như sau.

- Đoạn tuyến Km41+00 đến Km65+00 buổi sáng thực hiện công việc bên trái tuyến, buổi chiều thực hiện công việc bên phải tuyến. Buổi trưa dừng nghỉ tại trạm Hà Lam.

- Đoạn tuyến Km65+00 đến Km83+00 buổi sáng thực hiện công việc bên phải tuyến, buổi chiều thực hiện công việc bên trái tuyến. Buổi trưa dừng nghỉ tại trạm Chu Lai.

Tổ sản xuất số 03: Sử dụng xe ô tô tải nhỏ. Tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất sẽ sử dụng phương tiện thích hợp như xe máy hoặc xe ô tô. Trường hợp thực hiện công tác BDTX bằng xe ô tô sẽ thực hiện theo phương án như sau.

- Đoạn tuyến Km83+00 đến Km125+200 sử dụng phương tiện bằng ô tô khi thực hiện công tác BDTX. Buổi sáng thực hiện công việc bên trái tuyến, buổi chiều thực hiện công việc bên phải tuyến. Buổi trưa dừng nghỉ tại trạm Chu Lai.

Tổ sản xuất số 04 (tổ cơ giới): Phối hợp với các tổ sản xuất số 01, 02, 03 thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên để hoàn thành khối lượng được Trung tâm giao.

Tổ sản xuất số 05: Thực hiện công tác vệ sinh mặt đường bằng thủ công, nhỏ cò giải phân cách giữa,... và các công tác khác khi được phân công.

III. Phương án tổ chức phương tiện, thiết bị thi công, công cụ dụng cụ và vật tư

Tổ sản xuất số 01: Các phương tiện, thiết bị thi công, công cụ dụng cụ và vật tư của tổ 01 được tập kết và bảo quản tại kho bãi trạm Túy Loan, Hà Lam.

Tổ sản xuất số 02: Các phương tiện, thiết bị thi công, công cụ dụng cụ và vật tư của tổ 02 được tập kết và bảo quản tại kho bãi trạm Tam Kỳ, Chu Lai.

Tổ sản xuất số 03: Các phương tiện, thiết bị thi công, công cụ dụng cụ và vật tư của tổ 03 được tập kết và bảo quản tại kho bãi trạm Chu Lai, Bắc Quảng Ngãi.

Tổ sản xuất số 04: Các phương tiện, thiết bị thi công, công cụ dụng cụ của tổ sản xuất số 04 được tập kết và bảo quản tại kho bãi trạm Túy Loan, Tam Kỳ, Bắc Quảng Ngãi cụ thể như sau:

- Tại kho bãi trạm Túy Loan: Xe cầu tự hành BKS: 29C-525.02, xe tưới nước rửa đường BKS: 29C-805.14, xe tải ben BKS: 29C – 497.41, xe tải nhỏ bảo trì sau khi được Trung tâm cấp và các thiết bị, công cụ dụng cụ, phụ kiện đi kèm theo xe.

- Tại kho bãi trạm Tam Kỳ: Xe bảo trì BKS: 29Y-8476 và các thiết bị, công cụ dụng cụ, phụ kiện đi kèm theo xe.

- Tại kho bãi trạm Bắc Quảng Ngãi: Xe cầu tự hành BKS: 29C-497.45, xe quét hút BKS: 29C-550.39, xe tải nhỏ bảo trì sau khi được Trung tâm cấp và các thiết bị, công cụ dụng cụ, phụ kiện đi kèm theo xe.

- Xe máy được phân bổ cho các nhóm nhân viên tại các trạm trên toàn tuyến để nhằm mục đích sử dụng thuận tiện cho việc thi công đạt hiệu quả cao.

Tổ sản xuất số 05: Thiết bị và công cụ dụng cụ được tập kết tại các trạm trên toàn tuyến, tùy thuộc vào vị trí thi công để tập kết phù hợp với thực tế.

Trên đây là phương án tổ chức phương tiện, thiết bị thi công của các tổ sản xuất. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thực tế thi công tại hiện trường có thể luân chuyển thiết bị để phù hợp đảm bảo hiệu quả sản xuất.

(Có sơ đồ kho bãi, phụ lục phương tiện, thiết bị thi công, CCDC đính kèm)

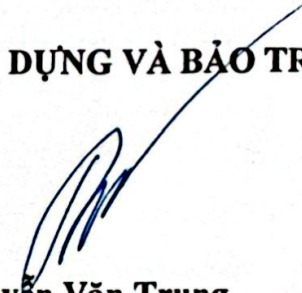
Trên đây là Báo cáo phương án tổ chức sản xuất của đội Xây dựng và Bảo trì đoạn tuyến từ Km0+00 đến Km139+204, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Đội Xây dựng và Bảo trì kính báo cáo Lãnh đạo Trung tâm xem xét và cho ý kiến chỉ đạo.

Trân trọng!

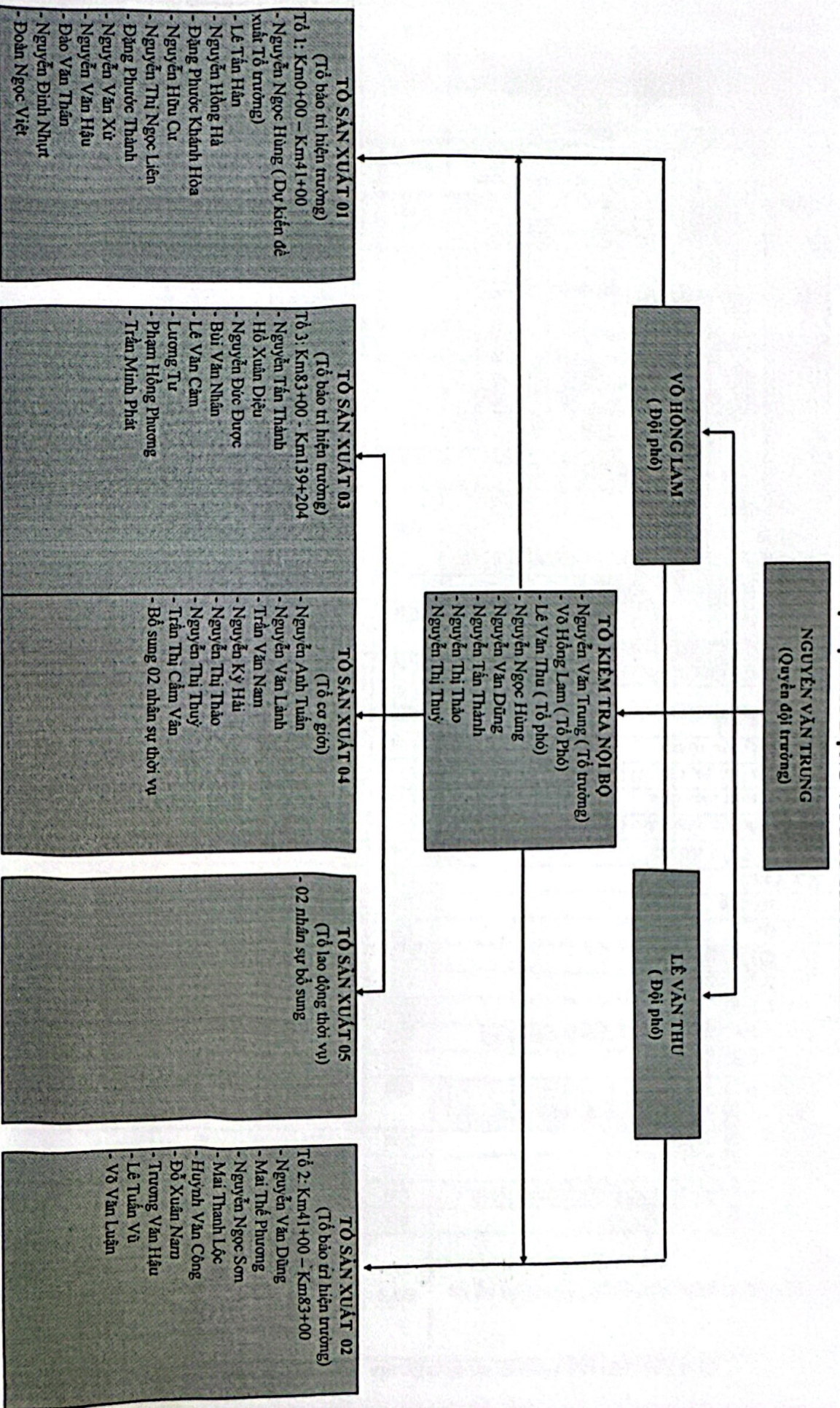
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu đội XD&BT.

ĐỘI XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ


Nguyễn Văn Trung

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÂN SỰ ĐỘI XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ NĂM 2025



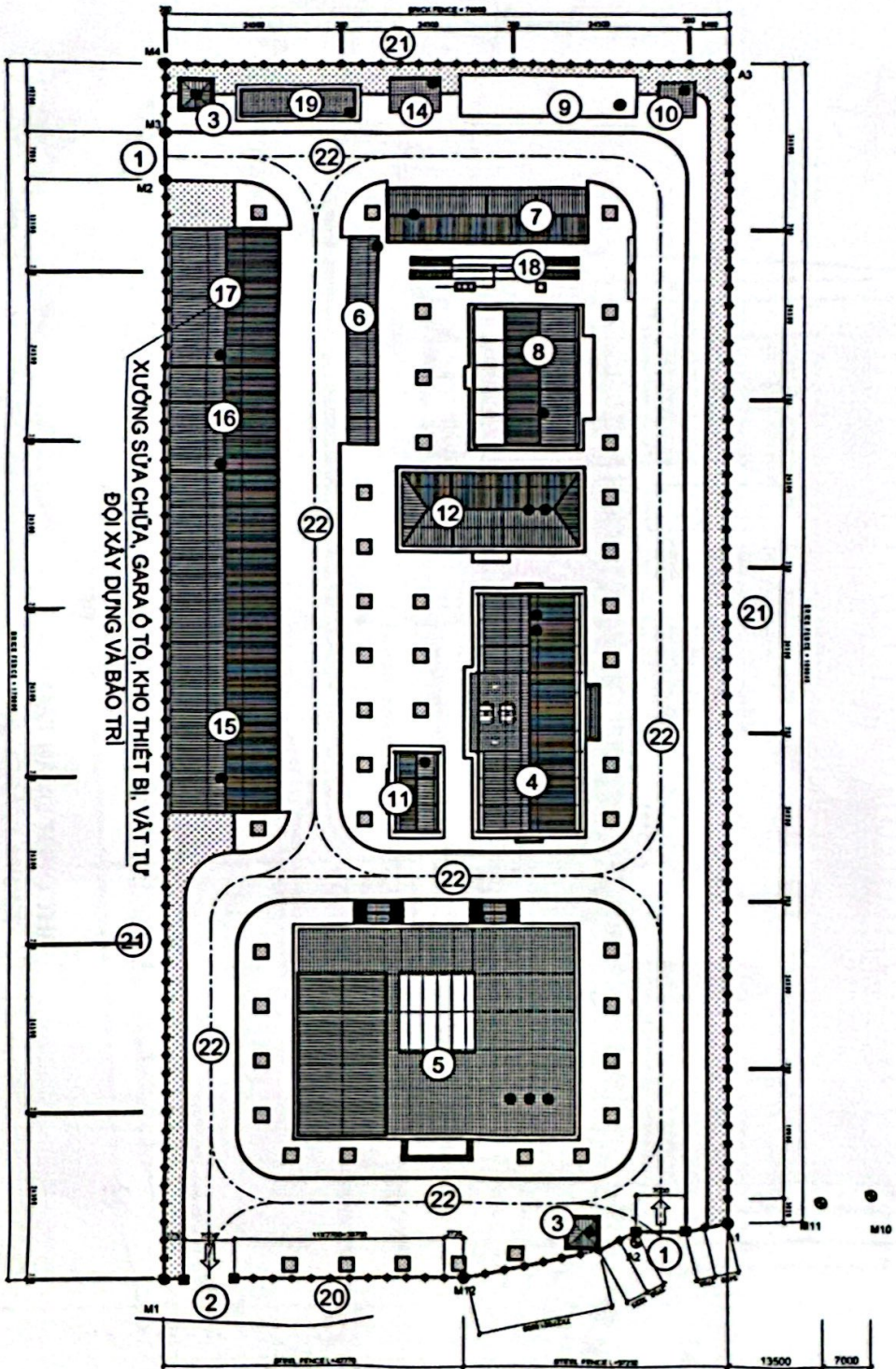
PHỤ LỤC CÔNG CỤ DỤNG CỤ, THIẾT BỊ

Đính kèm Báo cáo Phương án tổ chức sản xuất của đội Xây dựng bảo trì ngày 18/01/2025

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	ĐVT	Số lượng CCDC, thiết bị năm 2024	CCDC, thiết bị đang sử dụng	CCDC, thiết bị hư hỏng	Số liệu CCDC cần bổ sung	Ghi chú
1	Bộ biển báo	Bộ	2		2	3	
2	Biển thể sọc ốc quy LIOA, Model BC-3630	Cái	1	1			
3	Bộ Cate từ 10-32	Cái	5	5			
4	Bộ lục giác đến 17	Cái	5	5			
5	Bộ máy đầm bàn 60k+máy nổ chạy xăng YH6500	Cái	1	1			
6	Bộ tuýp mỏ 10-32	Cái	5	5			
7	Bơm chìm 3HP tas 1 pha (Daphovina VN)	Cái	1	1			
8	Búa tạ 1kg	Cái	5	5			
9	Búa đầu lục giác 3kg	Cái	5	5			
10	Búa đầu lục giác 5kg	Cái	5	5			
11	Búa tay	Cái	13	4	9		
12	Bút thử điện	Cái	8	2	6	16	
13	Cà lê xích	Cái	5	5			
14	Cáp lựu d10 x dài 4m	Cái	4	4			
15	Chóp nón loại nhựa dẻo đỏ, dán phản quang	Cái	50	50			
16	Dây an toàn toàn thân	Cái	6	2	4	4	
17	Dụng cụ khô ga, cần dài 800mm	Cái	14	7	7		
18	Kích thủy lực 16 tấn	Cái	2	2			
19	Kìm bấm chết	Cái	5	5			
20	Kìm tay	Cái	5	5			
21	Máy bơm nước (Bamboo BMB 30WT)	Cái	1	1			
22	Máy bơm nước WB30 XTDR (HONDA)	Cái	1	1			
23	Máy cắt bê tông HD - 18VI		2	2		1	
24	Máy cắt cỏ chạy xăng Model : AB-35(GX35T SD) Hiệu amita (máy + cần)	Cái	6	6		12	
25	Máy cắt cỏ Honda - UMK435T U2ST	Cái	3	3			Thường xuyên hỏng chi phí sửa
26	Máy cắt cỏ Honda GX35, động cơ 4 thì	Cái	6	6			
27	Máy cắt đường khung lớn 3T5, Honda 6,5HP, động cơ 4 thì, bao gồm lưỡi cắt D350	Cái	2				
28	Máy cưa cầm tay	Cái	1	1			
29	Máy cưa cắt cây 2100W Makute - GC002S	Cái	2		2	2	Đã hỏng đề nghị thanh hủy
30	Máy đục bê tông 1.7 kW Total - TH215456	Cái	3	3			
31	Máy hàn 10KVA-ZX 7-200ET	Cái	2	2			
32	Máy khoan kết hợp bắt, tháo mở bulong Bosh GSB13RE	Cái	1	1			
33	Máy mài góc GWS2200 - 18006018C00K0	Cái	2	2		1	
34	Máy phát điện 5.5 KVA Total - TP155001	Cái	3	3			
35	Máy phát điện Honda EZ6500 CXSR (HONDA)	Cái	1	1			Xe nước
36	Máy thổi	Cái	4	4			
37	Máy thổi bụi công suất 2,7 kw, động cơ 4 thì, chạy xăng (Hangu-TQ)	Cái	3	3			
38	Máy thổi chạy xăng - EB5300TH	Cái	2	2		3	

39	Máy xịt rửa A6-PRO-SUPER	Cái	3	3	1	1	
40	Mỏ lết 15in/37.5cm hiệu stanley-STM87435-8	Cái	1	1			
41	Tay công mở nắp ôtô tải (cán đại)	Cái	3	3			
42	Thang nhôm rút chữ A	Cái	2	2			
43	Thùng Tank trắng 1000 lít	Cái	2	2		1	
44	Tút vít Bake (2 đầu vặn: 1 bằng, 1 bake)	Cái	5	5			
45	Tuýp công mở nắp D49x3.2 dài 1m + nối dài cán công bằng cán khoan đá	Cái	2	2			
46	Van định hướng SY5120-5LZD-C6	Cái	4	4			
47	Xẻng xúc đất + cán tre	Cái	12	5	7	7	
48	Xích sợi d14 x dài 2.5m + 2 móc đầu xích	Cái	2	2			Cứu hộ
49	Xe honda Blade	Cái	6	6			
50	Xe máy wave+blade	Cái	6	6			
51	Xe tải nhỏ 1,25T	Xe				2	
52	Xe cơ giới	Xe	7	7			
53	Đầm cóc	Cái	2		2	3	
54	Súng bơm mỡ thủy lực	Cái				3	
55	Đồng hồ điện vạn năng	Cái				4	
56	Máy thổi bụi (chạy bằng điện)	Máy				8	Cấp cho nhân viên điện các trạm
57	Súng đo nhiệt độ	Cái				8	
58	Bàn chải (vệ sinh tủ điện)	Cái				20	
59	Chổi quét (chổi Panxo)	Cái				20	
60	Thang rút	Cái				2	

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ KHO BÀI TẬP TRẠM TỬ LOAN



BẢNG TỔNG HỢP - SUMMARY

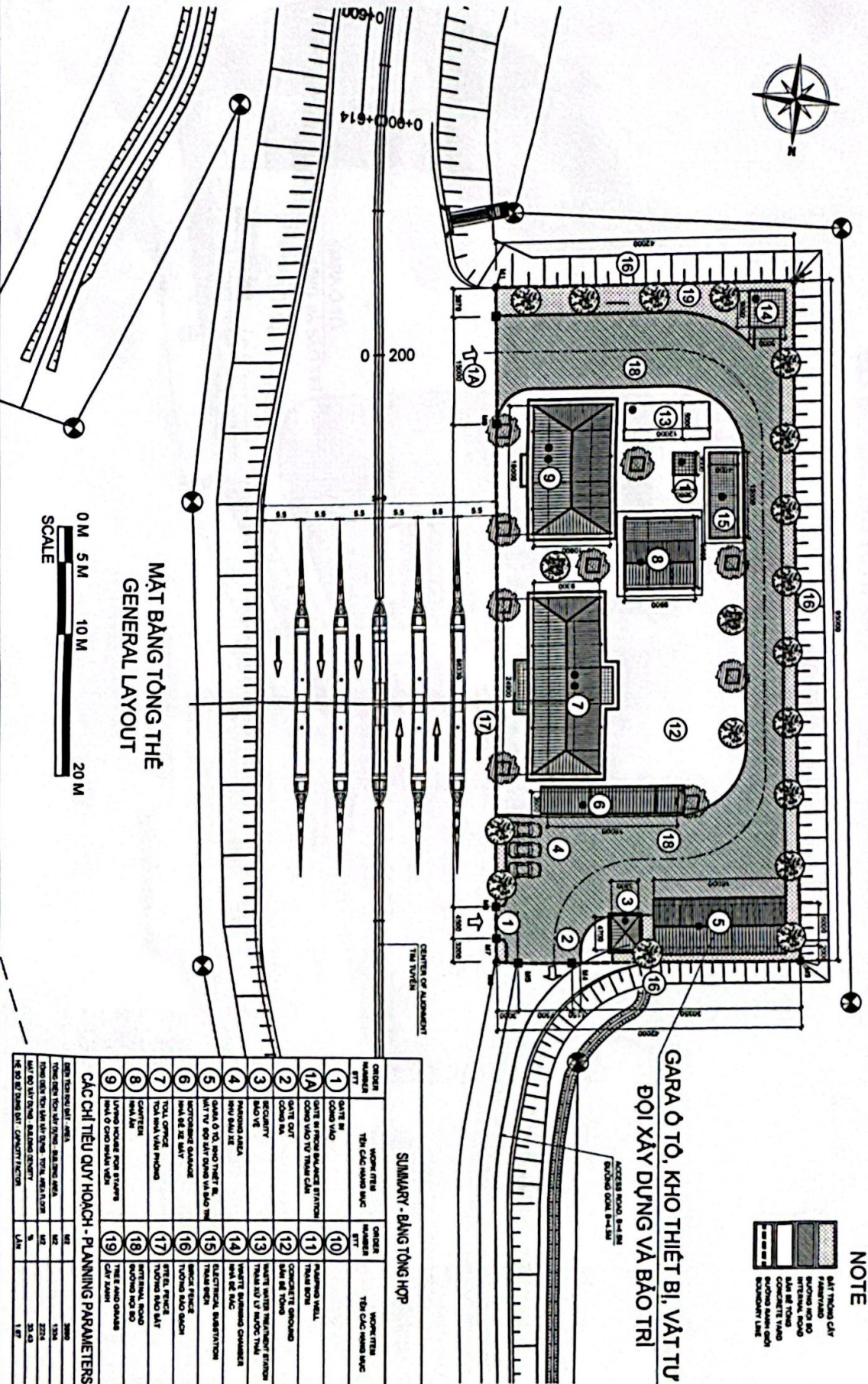
STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá
STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá
1	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
2	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
3	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
4	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
5	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
6	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
7	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
8	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
9	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
10	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
11	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
12	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
13	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
14	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
15	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
16	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
17	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
18	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
19	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
20	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
21	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
22	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
23	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
24	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
25	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
26	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
27	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
28	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
29	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
30	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
31	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
32	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
33	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
34	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
35	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
36	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
37	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
38	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
39	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
40	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
41	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
42	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
43	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
44	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
45	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
46	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
47	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
48	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
49	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
50	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
51	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
52	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
53	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
54	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
55	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
56	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
57	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
58	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
59	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
60	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
61	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
62	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
63	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
64	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
65	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
66	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
67	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
68	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
69	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
70	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
71	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
72	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
73	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
74	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
75	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
76	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
77	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
78	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
79	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
80	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
81	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
82	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
83	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
84	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
85	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
86	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
87	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
88	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
89	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
90	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
91	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
92	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
93	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
94	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
95	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
96	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
97	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
98	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
99	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000
100	Thiết kế và thi công hệ thống kho bãi	m²	1000	100000000	100000000000

CHÚ THÍCH
NOTE

1. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
2. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
3. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
4. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
5. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
6. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
7. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
8. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
9. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
10. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
11. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
12. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
13. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
14. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
15. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
16. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
17. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
18. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
19. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
20. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
21. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.
22. Khu vực kho bãi được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành.

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ KHO BÀI TẠI TRẠM TẠM KỲ

CHÚ THÍCH NOTE



SUMMARY - BẢNG TỔNG HỢP

ORDER NUMBER	WORK ITEM	ORDER NUMBER	WORK ITEM
1	Garage	10	Garage
2	Garage	11	Garage
3	Garage	12	Garage
4	Garage	13	Garage
5	Garage	14	Garage
6	Garage	15	Garage
7	Garage	16	Garage
8	Garage	17	Garage
9	Garage	18	Garage
10	Garage	19	Garage
11	Garage		
12	Garage		
13	Garage		
14	Garage		
15	Garage		
16	Garage		
17	Garage		
18	Garage		
19	Garage		

CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH - PLANNING PARAMETERS

ORDER NUMBER	WORK ITEM	ORDER NUMBER	WORK ITEM
1	Garage	10	Garage
2	Garage	11	Garage
3	Garage	12	Garage
4	Garage	13	Garage
5	Garage	14	Garage
6	Garage	15	Garage
7	Garage	16	Garage
8	Garage	17	Garage
9	Garage	18	Garage
10	Garage	19	Garage
11	Garage		
12	Garage		
13	Garage		
14	Garage		
15	Garage		
16	Garage		
17	Garage		
18	Garage		
19	Garage		

SƠ ĐỒ BỎ TRÍ KHO BÀI TẬP TẠI TRẠM BẮC QUẢNG NGÃI



MẶT BẰNG TỔNG THỂ
GENERAL LAYOUT



CHÚ THÍCH
NOTE

SUMMARY - BẢNG TỔNG HỢP			
STT	Mô tả công việc	STT	Mô tả công việc
1	Đường bộ	18	Đường bộ
2	Đường bộ	19	Đường bộ
3	Đường bộ	20	Đường bộ
4	Đường bộ	21	Đường bộ
5	Đường bộ	22	Đường bộ
6	Đường bộ	23	Đường bộ
7	Đường bộ	24	Đường bộ
8	Đường bộ	25	Đường bộ
9	Đường bộ	26	Đường bộ
10	Đường bộ	27	Đường bộ
11	Đường bộ	28	Đường bộ
12	Đường bộ	29	Đường bộ
13	Đường bộ	30	Đường bộ
14	Đường bộ	31	Đường bộ
15	Đường bộ	32	Đường bộ
16	Đường bộ	33	Đường bộ
17	Đường bộ	34	Đường bộ
18	Đường bộ	35	Đường bộ
19	Đường bộ	36	Đường bộ
20	Đường bộ	37	Đường bộ
21	Đường bộ	38	Đường bộ
22	Đường bộ	39	Đường bộ
23	Đường bộ	40	Đường bộ
24	Đường bộ	41	Đường bộ
25	Đường bộ	42	Đường bộ
26	Đường bộ	43	Đường bộ
27	Đường bộ	44	Đường bộ
28	Đường bộ	45	Đường bộ
29	Đường bộ	46	Đường bộ
30	Đường bộ	47	Đường bộ
31	Đường bộ	48	Đường bộ
32	Đường bộ	49	Đường bộ
33	Đường bộ	50	Đường bộ
34	Đường bộ	51	Đường bộ
35	Đường bộ	52	Đường bộ
36	Đường bộ	53	Đường bộ
37	Đường bộ	54	Đường bộ
38	Đường bộ	55	Đường bộ
39	Đường bộ	56	Đường bộ
40	Đường bộ	57	Đường bộ
41	Đường bộ	58	Đường bộ
42	Đường bộ	59	Đường bộ
43	Đường bộ	60	Đường bộ
44	Đường bộ	61	Đường bộ
45	Đường bộ	62	Đường bộ
46	Đường bộ	63	Đường bộ
47	Đường bộ	64	Đường bộ
48	Đường bộ	65	Đường bộ
49	Đường bộ	66	Đường bộ
50	Đường bộ	67	Đường bộ
51	Đường bộ	68	Đường bộ
52	Đường bộ	69	Đường bộ
53	Đường bộ	70	Đường bộ
54	Đường bộ	71	Đường bộ
55	Đường bộ	72	Đường bộ
56	Đường bộ	73	Đường bộ
57	Đường bộ	74	Đường bộ
58	Đường bộ	75	Đường bộ
59	Đường bộ	76	Đường bộ
60	Đường bộ	77	Đường bộ
61	Đường bộ	78	Đường bộ
62	Đường bộ	79	Đường bộ
63	Đường bộ	80	Đường bộ
64	Đường bộ	81	Đường bộ
65	Đường bộ	82	Đường bộ
66	Đường bộ	83	Đường bộ
67	Đường bộ	84	Đường bộ
68	Đường bộ	85	Đường bộ
69	Đường bộ	86	Đường bộ
70	Đường bộ	87	Đường bộ
71	Đường bộ	88	Đường bộ
72	Đường bộ	89	Đường bộ
73	Đường bộ	90	Đường bộ
74	Đường bộ	91	Đường bộ
75	Đường bộ	92	Đường bộ
76	Đường bộ	93	Đường bộ
77	Đường bộ	94	Đường bộ
78	Đường bộ	95	Đường bộ
79	Đường bộ	96	Đường bộ
80	Đường bộ	97	Đường bộ
81	Đường bộ	98	Đường bộ
82	Đường bộ	99	Đường bộ
83	Đường bộ	100	Đường bộ

CÁC CHỈ TIÊU DỰ HOẠCH - PLANNING PARAMETERS